



**HỘI ĐỒNG PHỐI HỢP PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Thông tin **PHỔ BIẾN PHÁP LUẬT**



**NGÀY 23-5-2021, CỬ TRI CẢ NƯỚC ĐI BẦU CỬ
ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XV VÀ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG
NHÂN DÂN CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2021-2026!**

**SỐ 03
NĂM 2021**



Chịu trách nhiệm xuất bản

Ông HỒ VĂN GIA
Giám đốc Sở Tư pháp

Ban Biên tập

(Theo Quyết định số: 144/QĐ-STP
ngày 13/5/2019 của Sở Tư pháp)

Trụ sở sơ quan

Số 286, đường 30/4, Phường Xuân Khánh,
Quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ
Điện thoại: 0292.3 820 657
Fax: 0292.3 820 657
Email: sotp@cantho.gov.vn

Tra cứu, tìm kiếm thông tin pháp luật bằng internet qua các trang dữ liệu pháp luật:

- ☛ Trang tra cứu văn bản pháp luật:
www.thuvienphapluat.vn;
www.luatvietnam.vn.
- ☛ Trang web văn bản của Chính phủ:
www.vanban.chinhphu.vn
- ☛ Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp:
www.moj.gov.vn
- ☛ Trang web hệ thống văn bản quy phạm
pháp luật của Văn phòng Quốc hội:
www.vietlaw.gov.vn

GIẤY PHÉP XUẤT BẢN

* Giấy phép số: 70/GP-STTTT do Sở Thông tin và Truyền thông TP. Cần Thơ cấp ngày 10 tháng 05 năm 2021. Số lượng in: 850 bản. Khổ 19 x 27cm.

* In tại Công ty CP In Tổng hợp Cần Thơ. Số 500 đường 30/4, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.

In xong và nộp lưu chiểu tháng 5 năm 2021.

TÌM HIỂU PHÁP LUẬT VỀ BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI VÀ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

Bầu cử và ứng cử vào các cơ quan đại diện của Nhân dân là các quyền cơ bản của công dân. Thông qua việc bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân, Nhân dân ta sẽ lựa chọn những đại biểu xứng đáng vào Quốc hội hoặc Hội đồng nhân dân để thực thi quyền làm chủ của mình. Quốc hội khóa XIV đã ban hành Nghị quyết số 133/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 quyết định Ngày bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 là Chủ nhật, ngày 23 tháng 5 năm 2021.

Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Quốc hội thực hiện quyền lập hiến, quyền lập pháp, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước.

Đại biểu Quốc hội là người đại diện cho ý chí, nguyện vọng của Nhân dân ở đơn vị bầu cử ra mình và của Nhân dân cả nước; là người thay mặt Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước trong Quốc hội. Đại biểu Quốc hội chịu trách nhiệm trước cử tri và trước Quốc hội về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đại biểu của mình. Đại biểu Quốc hội bình đẳng trong thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn của Quốc hội.

Hội đồng nhân dân là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của Nhân dân, do Nhân dân địa phương bầu ra, chịu trách nhiệm trước Nhân dân địa phương và cơ quan nhà nước cấp trên.

Hội đồng nhân dân quyết định các vấn đề của địa phương do luật định; giám sát việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật ở địa phương và việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân.

Đại biểu Hội đồng nhân dân là người đại diện cho ý chí, nguyện vọng của Nhân dân địa phương; liên hệ chặt chẽ với cử tri, chịu sự giám sát của cử tri, thực hiện chế độ tiếp xúc, báo cáo với cử tri về hoạt động của mình và của Hội đồng nhân dân, trả lời những yêu cầu, kiến nghị của cử tri; xem xét, đôn đốc việc giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Đại biểu Hội đồng nhân dân có nhiệm vụ vận động Nhân dân thực hiện Hiến pháp và pháp luật, chính sách của Nhà nước, nghị quyết của Hội đồng nhân dân, động viên Nhân dân tham gia quản lý nhà nước. Đại biểu Hội đồng nhân dân bình đẳng trong thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân.

Quy định về QUYỀN BẦU CỬ VÀ ỨNG CỬ



QUYỀN BẦU CỬ, QUYỀN ỨNG CỬ

Quyền bầu cử là quyền cơ bản của công dân theo quy định của pháp luật trong việc được lựa chọn người đại biểu của mình vào cơ quan quyền lực nhà nước. Quyền bầu cử bao gồm việc giới thiệu người ứng cử và bỏ phiếu bầu cử để lựa chọn người đại diện cho mình tại Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp.

Quyền ứng cử là quyền cơ bản của công dân khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật thì có thể thể hiện nguyện

vọng của mình được ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân.



TUỔI BẦU CỬ VÀ TUỔI ỨNG CỬ

Điều 27 của Hiến pháp và Điều 2 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân quy định: Tính đến ngày bầu cử được công bố, công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đủ 18 tuổi trở lên có quyền bầu cử và đủ 21 tuổi trở lên có quyền ứng cử vào Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp.



NGUYÊN TẮC BẦU CỬ

Điều 7 của Hiến pháp và Điều 1 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân quy định việc bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân được tiến hành theo các nguyên tắc sau đây:

- + Nguyên tắc bầu cử phổ thông.
- + Nguyên tắc bình đẳng.
- + Nguyên tắc bầu cử trực tiếp.
- + Nguyên tắc bỏ phiếu kín.



TIÊU CHUẨN CỦA NGƯỜI ỨNG CỬ

- Người ứng cử đại biểu Quốc hội phải đáp ứng các tiêu chuẩn của đại biểu Quốc hội quy định tại Luật Tổ chức Quốc hội:

+ Trung thành với Tổ quốc, Nhân dân và Hiến pháp, phấn đấu thực hiện công cuộc đổi mới, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

+ Có một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam

+ Có phẩm chất đạo đức tốt, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, gương mẫu chấp hành pháp luật; có bản lĩnh, kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, mọi biểu hiện quan liêu, hách dịch, cửa quyền và các hành vi vi phạm pháp luật khác.

+ Có trình độ văn hóa, chuyên môn, có đủ năng lực, sức khỏe, kinh nghiệm công tác và uy tín để thực hiện nhiệm vụ đại biểu Quốc hội.

+ Liên hệ chặt chẽ với Nhân dân, lắng nghe ý kiến của Nhân dân, được Nhân dân tín nhiệm.

+ Có điều kiện tham gia các hoạt động của Quốc hội.

- Người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân phải đáp ứng các tiêu chuẩn của đại biểu Hội đồng nhân dân quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương:

+ Trung thành với Tổ quốc, Nhân dân và Hiến pháp, phấn đấu thực hiện công cuộc đổi mới, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

+ Có một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam

+ Có phẩm chất đạo đức tốt, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, gương mẫu chấp hành pháp luật; có bản lĩnh, kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, mọi biểu hiện quan liêu, hách dịch, cửa quyền và các hành vi vi phạm pháp luật khác.

+ Có trình độ văn hóa, chuyên môn, đủ năng lực, sức khỏe, kinh nghiệm công tác và uy tín để thực hiện nhiệm vụ đại biểu; có điều kiện tham gia các hoạt động của Hội đồng nhân dân.

+ Liên hệ chặt chẽ với Nhân dân, lắng nghe ý kiến của Nhân dân, được Nhân dân tín nhiệm.



NHỮNG TRƯỜNG HỢP KHÔNG ĐƯỢC ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI VÀ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

- Người đang bị tước quyền ứng cử theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, người đang chấp hành hình phạt tù, người bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự.

- Người đang bị khởi tố bị can.
- Người đang chấp hành bản án, quyết định hình sự của Tòa án.
- Người đã chấp hành xong bản án, quyết định hình sự của Tòa án nhưng chưa được xóa án tích.
- Người đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc hoặc giáo dục tại xã, phường, thị trấn.



XỬ LÝ HÀNH VI VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ BẦU CỬ

Điều 95 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân đã quy định rõ: Người nào dùng thủ đoạn lừa gạt, mua chuộc hoặc cưỡng ép làm trở ngại việc bầu cử, ứng cử của công dân; vi phạm các quy định về vận động bầu cử; người có trách nhiệm trong công tác bầu cử mà giả mạo giấy tờ, gian lận phiếu bầu hoặc dùng thủ đoạn khác để làm sai lệch kết quả bầu cử hoặc vi phạm các quy định khác của pháp luật về bầu cử thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

Bộ luật Hình sự đã quy định cụ thể 02 tội liên quan đến bầu cử gồm:

- Tội xâm phạm quyền bầu cử, ứng cử hoặc biểu quyết khi Nhà nước trưng cầu ý dân của công dân (Điều 160):

“1. Người nào lừa gạt, mua chuộc, cưỡng ép hoặc dùng thủ đoạn khác cản trở công dân thực hiện quyền bầu cử, quyền ứng cử hoặc quyền biểu quyết khi Nhà nước trưng cầu ý dân, thì bị phạt cảnh cáo, phạt cải tạo không giam

giữ đến 01 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 01 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 02 năm:

- a) Có tổ chức;
- b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;
- c) Dẫn đến hoãn ngày bầu cử, bầu cử lại hoặc hoãn việc trưng cầu ý dân.

3. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm.”

- Tội làm sai lệch kết quả bầu cử, kết quả trưng cầu ý dân (Điều 161):

“1. Người nào có trách nhiệm trong việc tổ chức, giám sát việc bầu cử, tổ chức trưng cầu ý dân mà giả mạo giấy tờ, gian lận phiếu hoặc dùng thủ đoạn khác để làm sai lệch kết quả bầu cử, kết quả trưng cầu ý dân, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 03 năm:

- a) Có tổ chức;
- b) Dẫn đến phải tổ chức lại việc bầu cử hoặc trưng cầu ý dân.

3. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm.”

Người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân mà có hành vi vi phạm pháp luật về bầu cử (như kê khai hồ sơ ứng cử không trung thực, gian dối, giả mạo thông tin, vi phạm các quy định về vận động bầu cử...) thì có thể bị xóa tên trong Danh sách chính thức những người ứng cử hoặc nếu đã được bầu thì cũng không được công nhận tư cách đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân.

Quy định về CỬ TRI VÀ LẬP DANH SÁCH CỬ TRI



Cử tri là người có quyền bầu cử. Công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam - là người có quốc tịch Việt Nam, tính đến ngày bầu cử (Ngày 23 tháng 5 năm 2021), đủ 18 tuổi trở lên và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật về bầu cử đều có quyền bầu cử.

Công dân từ đủ 18 tuổi tính đến Ngày bầu cử 23 tháng 5 năm 2021, tức là **có ngày sinh từ ngày 23 tháng 5 năm 2003 trở về trước** thì được xác định là đủ tuổi để được ghi vào danh sách cử tri để bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026.



QUYỀN BẦU CỬ CỦA CỬ TRI

Tùy thuộc thời gian cư trú hoặc quan hệ gắn bó với địa phương nơi đăng ký tham gia bầu cử mà Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân quy định từng nhóm đối tượng cử tri có phạm vi tham gia bầu cử không hoàn toàn giống nhau. Cụ thể là:

- Cử tri là người đăng ký thường trú tại khu vực bỏ phiếu và cử tri là người đăng ký tạm trú, có thời gian đăng ký tạm trú tại đơn vị hành chính cấp xã nơi có đơn vị bỏ phiếu từ đủ 12 tháng trở lên thì được ghi tên vào danh sách cử tri để bầu đại biểu Quốc hội và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở cả 3 cấp: cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã.

- Cử tri là người đăng ký tạm trú tại đơn vị hành chính cấp xã nơi có khu vực

bỏ phiếu và có thời gian đăng ký tạm trú chưa đủ 12 tháng thì chỉ được ghi tên vào danh sách cử tri để bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện ở nơi mình tạm trú nếu có nguyện vọng tham gia bỏ phiếu tại nơi tạm trú.

- Cử tri là người đang bị tạm giam, tạm giữ, người đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc được ghi tên vào danh sách cử tri để bầu đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh nơi người đó đang bị tạm giam, tạm giữ, đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.



NGUYÊN TẮC LẬP DANH SÁCH CỬ TRI

- Mọi công dân có quyền bầu cử đều được ghi tên vào danh sách cử tri và được phát thẻ cử tri, trừ các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 30 của Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân, đó là: người đang bị tước quyền bầu cử theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, người bị kết án tử hình đang trong thời gian chờ thi hành án, người đang chấp hành hình phạt tù mà không được hưởng án treo, người mất năng lực hành vi dân sự thì không được ghi tên vào danh sách cử tri.

- Mỗi công dân chỉ được ghi tên vào một danh sách cử tri ở nơi mình thường trú hoặc tạm trú.

- Cử tri là người tạm trú và có thời gian đăng ký tạm trú tại địa phương chưa đủ 12 tháng, cử tri là quân nhân ở các đơn vị vũ trang nhân dân được ghi tên vào danh sách cử tri để bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu

Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện ở nơi tạm trú hoặc đóng quân.

- Công dân Việt Nam ở nước ngoài trở về Việt Nam trong khoảng thời gian từ sau khi danh sách cử tri đã được niêm yết đến trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu 24 giờ, thì đến Ủy ban nhân dân cấp xã xuất trình Hộ chiếu có ghi quốc tịch Việt Nam để được ghi tên vào danh sách cử tri và nhận thẻ cử tri bầu đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã (nếu xuất trình tại nơi đăng ký thường trú) hoặc bầu đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện (nếu xuất trình tại nơi đăng ký tạm trú).

- Cử tri là người đang bị tạm giam, tạm giữ, người đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc được ghi tên vào danh sách cử tri để bầu đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh nơi người đó đang bị tạm giam, tạm giữ, đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.



NHỮNG TRƯỜNG HỢP KHÔNG ĐƯỢC GHI TÊN, XÓA TÊN HOẶC BỔ SUNG TÊN VÀO DANH SÁCH CỬ TRI



- Người đang bị tước quyền bầu cử theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, người bị kết án tử hình đang trong thời gian chờ thi hành án, người đang chấp hành hình phạt tù mà không được hưởng án treo, người mất năng lực hành vi dân sự thì không được ghi tên vào danh sách cử tri.

- Người thuộc các trường hợp quy định trên nếu đến trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu 24 giờ được khôi phục lại quyền bầu

cử, được trả lại tự do hoặc được cơ quan có thẩm quyền xác nhận không còn trong tình trạng mất năng lực hành vi dân sự thì được bổ sung vào danh sách cử tri và được phát thẻ cử tri theo quy định.

- Trong thời gian từ sau khi danh sách cử tri đã được niêm yết đến trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu 24 giờ, những người thay đổi nơi thường trú ra ngoài đơn vị hành chính cấp xã nơi đã được ghi tên vào danh sách cử tri thì được xóa tên trong danh sách cử tri ở nơi cư trú cũ và bổ sung vào danh sách cử tri tại nơi thường trú mới để bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã; những người chuyển đến tạm trú ở nơi khác với đơn vị hành chính cấp xã mà mình đã được ghi tên vào danh sách cử tri và có nguyện vọng tham gia bầu cử ở nơi tạm trú mới thì được xóa tên trong danh sách cử tri ở nơi cư trú cũ và bổ sung vào danh sách cử tri tại nơi tạm trú mới để bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện.

- Cử tri là người đang bị tạm giam, tạm giữ, người đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc được ghi tên vào danh sách cử tri để bầu đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh nơi người đó đang bị tạm giam, tạm giữ, đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc, nếu đến trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu 24 giờ mà được trả tự do hoặc đã hết thời gian giáo dục bắt buộc, cai nghiện bắt buộc thì được xóa tên trong danh sách cử tri ở nơi có trại tạm giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc, được bổ sung vào danh sách cử tri tại nơi đăng ký thường trú để bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã hoặc được bổ sung vào danh sách, cử tri tại nơi đăng ký tạm trú để bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện.

- Người đã có tên trong danh sách cử tri mà đến thời điểm bắt đầu bỏ phiếu bị Tòa án tước quyền bầu cử, phải chấp hành hình phạt tù hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì Ủy ban nhân dân cấp xã xóa tên người đó trong danh sách cử tri và thu hồi thẻ cử tri.



QUY ĐỊNH VỀ BỎ PHIẾU

”

- Mỗi cử tri có quyền bỏ một phiếu bầu đại biểu Quốc hội và bỏ một phiếu bầu đại biểu Hội đồng nhân dân tương ứng với mỗi cấp Hội đồng nhân dân.

- Cử tri phải tự mình đi bầu cử, không được nhờ người khác bầu cử thay, trừ trường hợp sau đây:

+ Cử tri không thể tự viết được phiếu bầu thì nhờ người khác viết hộ, nhưng phải tự mình bỏ phiếu; người viết hộ phải bảo đảm bí mật phiếu bầu của cử tri. Trường hợp cử tri vì khuyết tật không tự bỏ phiếu được thì nhờ người khác bỏ phiếu vào hòm phiếu.

+ Trong trường hợp cử tri ốm đau, già yếu, khuyết tật không thể đến phòng bỏ phiếu được thì Tổ bầu cử mang hòm phiếu phụ và phiếu bầu đến chỗ ở, chỗ điều trị của cử tri để cử tri nhận phiếu bầu và thực hiện việc bầu cử. Đối với cử tri là người đang bị tạm giam, người đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc mà trại tạm giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc không tổ chức khu vực bỏ phiếu riêng hoặc cử tri là người đang bị tạm giữ tại nhà tạm giữ thì Tổ bầu cử mang hòm phiếu phụ và phiếu bầu đến trại tạm giam, nhà tạm giữ, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc để cử tri nhận phiếu bầu và thực hiện việc bầu cử.

Quy định về **TUYÊN TRUYỀN, VẬN ĐỘNG BẦU CỬ**



Vận động bầu cử của người ứng cử là hoạt động gặp gỡ, tiếp xúc cử tri hoặc thông qua phương tiện thông tin đại chúng để người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân báo cáo với cử tri về dự kiến chương trình hành động của mình nhằm thực hiện trách nhiệm đại biểu nếu được bầu làm đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân và trao đổi những vấn đề mà cử tri quan tâm; tạo điều kiện để cử tri tiếp xúc với người ứng cử, hiểu rõ hơn người ứng cử; trên cơ sở đó cân nhắc, lựa chọn, bầu những người đủ tiêu chuẩn làm đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân.



NGUYÊN TẮC VẬN ĐỘNG BẦU CỬ

- Việc vận động bầu cử được tiến hành dân chủ, công khai, bình đẳng, đúng pháp luật, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

- Người ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở đơn vị bầu cử nào thì thực hiện vận động bầu cử tại đơn vị bầu cử đó.

- Các tổ chức phụ trách bầu cử và thành viên của các tổ chức này không được vận động cho người ứng cử.



THỜI GIAN TIẾN HÀNH VẬN ĐỘNG BẦU CỬ

Thời gian vận động bầu cử được bắt đầu từ ngày công bố danh sách chính thức những người ứng cử và kết thúc trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu 24 giờ.



HÌNH THỨC VẬN ĐỘNG BẦU CỬ

Việc vận động bầu cử của người ứng cử được tiến hành bằng các hình thức sau đây:

- Gặp gỡ, tiếp xúc với cử tri tại hội nghị tiếp xúc cử tri ở địa phương nơi mình ứng cử theo quy định tại Điều 66 của Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân về Hội nghị tiếp xúc cử tri.

- Thông qua phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Điều 67 của Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân về vận động bầu cử thông qua phương tiện thông tin đại chúng.



VẬN ĐỘNG BẦU CỬ THÔNG QUA PHƯƠNG TIỆN THÔNG TIN ĐẠI CHỨNG

- Người ứng cử đại biểu Quốc hội trình bày với cử tri về dự kiến chương trình hành động của mình nếu được bầu làm đại biểu Quốc hội khi trả lời phỏng vấn trên các phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương nơi mình ứng cử và trên trang thông tin điện tử về bầu cử đại biểu Quốc hội của Hội đồng bầu cử quốc gia.

- Người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân trình bày với cử tri về dự kiến chương trình hành động của mình nếu được bầu làm đại biểu Hội đồng nhân dân khi trả lời phỏng vấn trên các phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương và trên trang thông tin điện tử về bầu cử của Ủy ban bầu cử (nếu có).

- Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban bầu cử có trách nhiệm chỉ đạo cơ quan quản lý trang thông tin điện tử thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc đăng tải nội dung vận động bầu cử.

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức việc đăng tải chương trình hành động của người ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương.



NHỮNG HÀNH VI BỊ CẤM TRONG VẬN ĐỘNG BẦU CỬ

- Lợi dụng vận động bầu cử để tuyên truyền trái với Hiến pháp và pháp luật hoặc làm tổn hại đến danh dự, nhân phẩm, uy tín, quyền, lợi ích hợp pháp khác của tổ chức, cá nhân khác.

- Lạm dụng chức vụ, quyền hạn để sử dụng phương tiện thông tin đại chúng trong vận động bầu cử.

- Lợi dụng vận động bầu cử để vận động tài trợ, quyên góp ở trong nước và nước ngoài cho tổ chức, cá nhân mình.

- Sử dụng hoặc hứa tặng, cho, ủng hộ tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất để lôi kéo, mua chuộc cử tri.

Đối tượng được ưu tiên tiêm vắc xin Covid-19 miễn phí

Ngày 26/2/2021, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 21/NQ-CP về mua và sử dụng vắc xin phòng COVID 19.

Theo đó, quyết nghị nội dung về đối tượng được ưu tiên tiêm vắc xin phòng COVID 19 và miễn phí trong năm 2021 bao gồm:

Lực lượng tuyến đầu phòng, chống dịch, gồm:

Người làm việc trong các cơ sở y tế;

+ Người tham gia phòng chống dịch (Thành viên Ban chỉ đạo phòng, chống dịch các cấp, người làm việc ở các khu cách ly, làm nhiệm vụ truy vết, điều tra dịch tễ, tình nguyện viên, phóng viên...);

+ Quân đội; Công an

+ Nhân viên, cán bộ ngoại giao của Việt Nam được cử đi nước ngoài; hải quan, cán bộ làm công tác xuất nhập cảnh;

- Người cung cấp dịch vụ thiết yếu: hàng không, vận tải, du lịch; cung cấp dịch vụ điện, nước...;

- Giáo viên, người làm việc tại các cơ sở giáo dục, đào tạo; người làm việc tại các cơ quan, đơn vị hành chính thường xuyên tiếp xúc với nhiều người;

- Người mắc các bệnh mạn tính, người trên 65 tuổi;

- Người sinh sống tại các vùng có dịch;

- Người nghèo, các đối tượng chính sách xã hội;

- Người được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền cử đi công tác, học tập, lao động ở nước ngoài.

- Các đối tượng khác do Bộ Y tế quyết định căn cứ yêu cầu phòng chống dịch.

Lưu ý: Trong năm 2021, vắc xin được sử dụng cho người từ 18 tuổi trở lên, ưu tiên tiêm trước cho các đối tượng nêu trên ở các tỉnh/thành phố đang có dịch; trong tỉnh, thành phố thì ưu tiên tiêm cho các vùng đang có dịch.

Nghị quyết số 21/NQ-CP có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Hướng dẫn vận chuyển, bảo quản và phân phối vắc xin COVID-19

Ngày 05/3/2021, Bộ Y tế ban hành Quyết định số 1464/QĐ-BYT hướng dẫn tiếp nhận, bảo quản, phân phối và sử dụng vắc xin phòng COVID-19 như sau:

Trong vòng 07 ngày sau khi có giấy phép xuất xưởng lô, sau khi tiếp nhận vắc xin dự án tiêm chủng mở rộng quốc gia vận chuyển đến các Viện Vệ sinh dịch tễ (VSDT), Viện Pasteur và các đơn vị thực hiện bàn giao như sau:

- Tuyến khu vực: Viện VSDT, Viện Pasteur hoặc các nhà phân phối, nhập khẩu được huy động vận chuyển vắc xin tới kho Trung tâm Kiểm soát bệnh tật (KSBT) các tỉnh, thành phố trong vòng 07 ngày kể từ khi tiếp nhận.

- Tuyến tỉnh: Trung tâm KSBT tỉnh, thành phố tiếp nhận và bảo quản vắc xin phòng COVID-19 tại kho tỉnh và thực hiện cấp phát vắc xin theo hướng dẫn tại Quyết định 1464.

- Tuyến huyện:

- + Trung tâm Y tế cấp huyện vận chuyển vắc xin từ kho tỉnh về kho huyện; hoặc Trung tâm KSBT tỉnh, thành phố chuyển vắc xin về huyện để bảo quản.

- + Việc cấp phát cho cấp xã, bệnh viện cấp huyện hoặc các điểm tiêm chủng dịch vụ được yêu cầu hỗ trợ 01 ngày trước khi tiêm chủng hoặc ngay trong buổi tiêm.

- Tuyến xã hoặc cơ sở được phép tiêm chủng: Nhận vắc xin từ tuyến huyện, bảo quản vắc xin và vận chuyển cho các điểm tiêm trong buổi tiêm chủng...

Quyết định số 1464/QĐ-BYT có hiệu lực từ ngày 05/3/2021.

Được dùng số định danh cá nhân để làm thủ tục về nhà ở, bất động sản

Ngày 26/3/2021, Chính phủ ban hành Nghị định số 30/2021/NĐ-CP sửa đổi Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 hướng dẫn Luật Nhà ở.

Cụ thể, Khoản 2 Điều 4 Nghị định số 30/2021/NĐ-CP quy định:

Trường hợp công dân Việt Nam đã được cấp số định danh cá nhân và cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu về đăng ký đầu tư, đăng ký doanh nghiệp được kết nối, vận hành thì:

- Được sử dụng số định danh cá nhân thay thế cho các giấy tờ liên quan đến nhân thân khi thực hiện thủ tục liên quan đến lĩnh vực nhà ở, kinh doanh bất động sản theo quy định của pháp luật.

- Các giấy tờ liên quan đến nhân thân gồm: bản sao Giấy chứng minh nhân dân, thẻ Căn cước công dân, Hộ chiếu và các giấy tờ chứng thực cá nhân khác.

Nghị định số 30/2021/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 26/3/2021.

Tổng cục Thuế hướng dẫn quyết toán thuế Thu nhập cá nhân năm 2021

Ngày 12/3/2021, Tổng cục Thuế ban hành Công văn số 636/TCT-DNNCN hướng dẫn quyết toán thuế thu nhập cá nhân (thuế TNCN) với nhiều điểm đáng chú ý.

Theo đó, hướng dẫn nhiều trường hợp cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công không phải khai quyết toán thuế TNCN (áp dụng đối với cá nhân trực tiếp quyết toán thuế với cơ quan Thuế), đơn cử như:

- Cá nhân có số thuế TNCN phải nộp thêm sau quyết toán thuế của từng năm từ 50.000 đồng trở xuống.
- Cá nhân có số thuế TNCN phải nộp nhỏ hơn số thuế đã tạm nộp mà không có yêu cầu hoàn thuế hoặc bù trừ vào kỳ khai thuế tiếp theo.
- Cá nhân ký hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên tại một đơn vị, có thu nhập vắng lai ở các nơi khác và đã được khấu trừ thuế TNCN theo tỷ lệ 10% nếu không có yêu cầu quyết toán thì không phải quyết toán với phần thu nhập này...

Tòa án nhân dân tối cao công bố thêm 04 án lệ áp dụng từ ngày 15/4/2021

Ngày 12/3/2021, Tòa án nhân dân tối cao ban hành Quyết định 42/QĐ-CA về việc công bố án lệ.

Theo đó, công bố thêm 04 án lệ mới, được áp dụng xét xử từ ngày 15/4/2021, gồm:

- Án lệ số 40/2021/AL về công nhận việc chuyển đổi quyền sử dụng đất trên thực tế;
- Án lệ số 41/2021/AL về chấm dứt hôn nhân thực tế;
- Án lệ số 42/2021/AL về quyền lựa chọn Tòa án giải quyết tranh chấp của người tiêu dùng trong trường hợp hợp đồng theo mẫu có thỏa thuận trọng tài;
- Án lệ số 43/2021/AL về hiệu lực của hợp đồng thế chấp trong trường hợp tài sản thế chấp là nhà đất do bên thế chấp nhận chuyển nhượng từ người khác nhưng chưa thanh toán đủ tiền cho bên bán.

Việc áp dụng án lệ được thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 8 Nghị quyết 04/2019/NQ-HĐTP ngày 18/6/2019 về quy trình lựa chọn, công bố và áp dụng án lệ.

Quyết định 42/QĐ-CA có hiệu lực kể từ ngày ký.

Tiêu chí xác định doanh nghiệp công nghệ cao từ 30/4/2021

Ngày 16/03/2021, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 10/2021/QĐ-TTg về tiêu chí xác định doanh nghiệp công nghệ cao.

Theo đó, doanh nghiệp công nghệ cao là doanh nghiệp đáp ứng các tiêu chí tại Điều 75 Luật Đầu tư 2014 và các tiêu chí sau:

- Doanh thu từ sản phẩm công nghệ cao phải đạt ít nhất 70% trong tổng doanh thu thuần hàng năm của doanh nghiệp.

- Tỷ lệ tổng chi cho hoạt động nghiên cứu và phát triển của doanh nghiệp trên giá trị của tổng doanh thu thuần trừ đi giá trị đầu vào hàng năm:

- + Doanh nghiệp có tổng nguồn vốn từ 6.000 tỷ đồng và tổng lao động từ 3.000 người trở lên phải đạt ít nhất 0,5%;

- + Doanh nghiệp không thuộc trường hợp trên, có tổng nguồn vốn từ 100 tỷ đồng và tổng số lao động từ 200 người trở lên phải đạt ít nhất 1%;

- + Doanh nghiệp còn lại phải đạt ít nhất 2%.

- Tỷ lệ lao động trực tiếp thực hiện nghiên cứu và phát triển có trình độ chuyên môn từ cao đẳng trở lên của doanh nghiệp trên tổng số lao động:

- + Doanh nghiệp có tổng nguồn vốn từ 6.000 tỷ đồng và tổng số lao động từ 3.000 người trở lên phải đạt ít nhất 1%;

- + Doanh nghiệp không thuộc trường hợp trên, có tổng nguồn vốn từ 100 tỷ đồng và tổng số lao động từ 200 người trở lên phải đạt ít nhất 2,5%;

- + Đối với doanh nghiệp còn lại phải đạt ít nhất 5%.

Như vậy, so với Quyết định 19/2015/QĐ-TTg thì Quyết định 10/2021/QĐ-TTg (có hiệu lực ngày 30/04/2021) đã chia doanh nghiệp làm 03 nhóm thay vì 2 nhóm để quy định về các tiêu chí cụ thể.

Đình chỉ thi tốt nghiệp THPT nếu đưa vật dụng cấm vào phòng chờ

Ngày 12/3/2021, Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư số 05/2021/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung Quy chế thi tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) ban hành kèm theo Thông tư số 15/2020/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Theo đó, thí sinh mang vật dụng trái phép theo quy định tại Điều 14 Quy chế thi tốt nghiệp THPT vào phòng thi/phòng chờ hoặc khi di chuyển giữa phòng thi và phòng chờ sẽ bị đình chỉ thi (hiện hành chỉ quy định đối với phòng thi).

Điều 14 Quy chế thi quy định:

Thí sinh chỉ được mang vào phòng thi:

Bút viết, bút chì, compa, tẩy, thước kẻ, thước tính;

+ Máy tính bỏ túi không có chức năng soạn thảo văn bản, không có thẻ nhớ (cụ thể trong hướng dẫn tổ chức kỳ thi tốt nghiệp THPT hằng năm của Bộ GDĐT);

+ Atlas Địa lí Việt Nam đối với môn thi Địa lí (không có đánh dấu hoặc viết thêm bất cứ nội dung nào khác) do Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam phát hành;

+ Các loại máy ghi âm, ghi hình chỉ có chức năng ghi thông tin nhưng không thể nghe, xem và không thể truyền, nhận được thông tin, tín hiệu âm thanh, hình ảnh trực tiếp nếu không có thiết bị hỗ trợ khác;

Cấm mang vào phòng thi: Giấy than, bút xóa, đồ uống có cồn; vũ khí và chất gây nổ, gây cháy; tài liệu, thiết bị truyền tin hoặc chứa thông tin có thể lợi dụng để gian lận trong quá trình làm bài thi và quá trình chấm thi.

Thông tư số 05/2021/TT-BGDĐT có hiệu lực từ ngày 27/4/2021.

04 loại tài sản dùng để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự

Ngày 19/3/2021, Chính phủ ban hành Nghị định số 21/2021/NĐ-CP quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ.

Theo đó, tài sản dùng để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bao gồm:

(1) Tài sản hiện có hoặc tài sản hình thành trong tương lai;

Trừ trường hợp Bộ luật dân sự, luật khác có liên quan cấm mua bán, cấm chuyển nhượng hoặc cấm chuyển giao khác về quyền sở hữu tại thời điểm xác lập hợp đồng bảo đảm, biện pháp bảo đảm.

(2) Tài sản bán trong hợp đồng mua bán tài sản có bảo lưu quyền sở hữu;

(3) Tài sản thuộc đối tượng của nghĩa vụ trong hợp đồng song vụ bị vi phạm đối với biện pháp cầm giữ;

(4) Tài sản thuộc quyền sở hữu toàn dân trong trường hợp pháp luật liên quan có quy định.

Nghị định số 21/2021/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 15/5/2021.

Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức tiếp dân

Ngày 11/3/2021, Thanh tra Chính phủ ban hành Thông tư số 01/2021/TT-TTCP về quy định quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức, trong ngành Thanh tra và cán bộ, công chức làm công tác tiếp công dân.

Theo đó, cán bộ, công chức làm công tác tiếp dân phải tuân thủ các quy tắc ứng xử sau:

Việc tiếp dân phải bảo đảm công khai, khách quan, dân chủ, kịp thời; thủ tục đơn giản, thuận tiện và giữ bí mật cho người tố cáo;

Tôn trọng, lắng nghe, giải thích cặn kẽ những thắc mắc liên quan đến nội dung và tạo điều kiện thuận lợi cho công dân thực hiện việc khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh;

Có thái độ đúng mực, lắng nghe, tiếp nhận đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh hoặc ghi chép đầy đủ, chính xác nội dung mà người đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trình bày;

Giải thích, hướng dẫn giúp người đến người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị phản ánh chấp hành các chủ trương, chính sách, kết luận, quyết định giải quyết của cơ quan có thẩm quyền; hướng dẫn đến đúng cơ quan hoặc người có thẩm quyền để giải quyết;

Yêu cầu người vi phạm nội quy nơi tiếp công dân chấm dứt hành vi vi phạm; trong trường hợp cần thiết, lập biên bản về việc vi phạm và yêu cầu cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật.

Thông tư số 01/2021/TT-TTCP có hiệu lực từ ngày 01/5/2021.

Các trường hợp không thu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu

Ngày 11/3/2021, Chính phủ ban hành Nghị định số 18/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định số 134/2016/NĐ-CP hướng dẫn Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

Theo đó, bổ sung quy định về các trường hợp không thu thuế xuất, nhập khẩu (XNK) như sau:

- Không thu thuế đối với hàng hóa thuộc đối tượng hoàn thuế nhưng chưa nộp thuế theo quy định như:

- + Hoàn thuế đối với hàng hóa xuất khẩu phải tái nhập;
- + Hoàn thuế đối với hàng hóa nhập khẩu phải tái xuất;
- + Hoàn thuế đối với máy móc, thiết bị, dụng cụ, phương tiện vận chuyển của các tổ chức, cá nhân được phép tạm nhập, tái xuất;
- + Hoàn thuế đối với hàng hóa nhập khẩu để sản xuất, kinh doanh nhưng đã xuất khẩu sản phẩm;

+ Hoàn thuế đối với trường hợp người nộp thuế đã nộp thuế XNK nhưng không có hàng hóa XNK hoặc XNK ít hơn so với hàng hóa XNK đã nộp thuế; không hoàn thuế đối với trường hợp có số tiền thuế tối thiểu.

- Không thu thuế đối với hàng hóa không phải nộp thuế XNK quy định về:

- + Hoàn thuế đối với hàng hóa xuất khẩu phải tái nhập;
- + Hoàn thuế đối với hàng hóa nhập khẩu phải tái xuất.

Người nộp thuế nộp hồ sơ không thu thuế cho cơ quan hải quan nơi làm thủ tục XNK hàng hóa tại thời điểm làm thủ tục hải quan hoặc sau khi hàng hóa đã thông quan.

Nghị định số 18/2021/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 25/4/2021 và bãi bỏ các Thông tư số 90/2011/TT-BTC, Thông tư số 201/2012/TT-BTC, Thông tư số 81/2013/TT-BTC và Thông tư số 116/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Thêm đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng từ 01/7/2021

Ngày 15/3/2021, Chính Phủ ban hành Nghị định số 20/2021/NĐ-CP về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

Theo đó, bổ sung thêm các đối tượng bảo trợ xã hội hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, bao gồm:

- Người cao tuổi từ đủ 75 tuổi đến 80 tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo đang sống tại địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn;

- Trẻ em dưới 3 tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo không thuộc đối tượng tại khoản 1, 3, 6 Điều 5 Nghị định 20/2021 đang sống tại địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn;

- Người nhiễm HIV/AIDS thuộc diện hộ nghèo không có nguồn thu nhập ổn định hàng tháng như tiền lương, tiền công, lương hưu, trợ cấp BHXH, trợ cấp xã hội hàng tháng.

Ngoài ra, điều chỉnh tăng mức chuẩn trợ giúp xã hội lên 360.000 đồng/tháng (mức hiện hành là 270.000 đồng/tháng).

Tùy theo khả năng cân đối của ngân sách, tình hình đời sống của đối tượng bảo trợ xã hội, cơ quan có thẩm quyền xem xét tăng mức chuẩn trợ giúp xã hội cho phù hợp; bảo đảm tương quan chính sách đối với các đối tượng khác.

Nghị định số 20/2021/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 01/7/2021 và thay thế Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013.

Điều kiện cấp chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng

Ngày 03/3/2021, Chính phủ ban hành Nghị định số 15/2021/NĐ-CP quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

Theo đó, cá nhân được xét cấp chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng khi đáp ứng được điều 66, 67 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP và các điều kiện sau:

Đã làm giám sát trưởng hoặc chỉ huy trưởng công trường hoặc chủ trì thiết kế xây dựng phần việc thuộc nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của:

- Ít nhất 01 công trình từ cấp I trở lên hoặc 02 công trình từ cấp II trở lên thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hạng I.

- Ít nhất 01 công trình từ cấp II trở lên hoặc 02 công trình từ cấp III trở lên thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hạng II.

- Ít nhất 01 công trình từ cấp III trở lên hoặc 02 công trình từ cấp IV trở lên thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hạng III.

Nghị định số 15/2021/NĐ-CP (có hiệu lực từ ngày 03/03/2021 và thay thế Nghị định số 59/2015/NĐ-CP và Nghị định số 42/2017/NĐ-CP).

Giảm 10% phí thẩm định cấp giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự

Ngày 11/3/2021, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 18/2021/TT-BTC quy định mức thu, nộp phí thẩm định cấp giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự, giấy chứng nhận hợp chuẩn sản phẩm mật mã dân sự, giấy chứng nhận hợp quy sản phẩm mật mã dân sự.

Theo đó, doanh nghiệp khi nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự, giấy chứng nhận hợp chuẩn sản phẩm mật mã dân sự, giấy chứng nhận hợp quy sản phẩm mật mã dân sự nộp phí như sau:

- Kể từ ngày 11/03/2021 đến hết ngày 31/12/2021, nộp phí bằng 90% mức thu phí quy định tại Mục I và Mục II Biểu mức thu phí, lệ phí ban hành kèm theo Thông tư số 249/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 (giảm 10%).

- Trong thời gian Thông tư số 18/2021/TT-BTC có hiệu lực, không nộp phí theo mức thu phí quy định tại Mục I và Mục II Biểu mức thu phí, lệ phí ban hành kèm theo Thông tư số 249/2016/TT-BTC.

- Kể từ ngày 01/01/2022 trở đi, nộp phí theo mức thu phí quy định tại Thông tư số 249/2016/TT-BTC.

Thông tư số 18/2021/TT-BTC có hiệu lực từ ngày 11/3/2021 đến hết ngày 31/12/2021.

Quy định về mức thù lao của Hòa giải viên

Ngày 03/3/2021, Chính phủ ban hành Nghị định số 16/2021/NĐ-CP quy định mức thu, trình tự, thủ tục thu, nộp, việc quản lý, sử dụng chi phí hòa giải, đối thoại tại Tòa án và thù lao Hòa giải viên tại Tòa án.

Theo đó, Hòa giải viên sẽ được trả thù lao theo từng vụ việc sau khi đã tiến hành phiên hòa giải, đối thoại theo Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án. Mức thù lao theo khung được quy định cụ thể như sau:

Đối với các vụ Hòa giải thành, đối thoại thành: Hòa giải viên được hưởng thù lao từ 1.000.000 đồng/01 vụ việc đến tối đa 1.500.000 đồng/01 vụ việc;

Đối với các vụ việc Người nộp đơn khởi kiện, đơn yêu cầu rút đơn khởi kiện; đơn yêu cầu: Hòa giải viên được hưởng thù lao từ 500.000 đồng/01 vụ việc đến dưới 1.000.000 đồng/01 vụ việc;

Đối với các vụ việc chấm dứt hòa giải theo quy định tại Khoản 2, 3, 4, 5 Điều 40 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án: Hòa giải viên được hưởng 500.000 đồng/ 01 vụ việc.

Tòa án nơi giải quyết vụ việc hòa giải, đối thoại chỉ trả thù lao cho Hòa giải viên sau khi tiến hành hòa giải, đối thoại và chấm dứt hòa giải theo quy định tại Điều 40 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Nghị định số 16/2021/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 03/3/2021.

Phấn đấu 100% người khuyết tật được miễn, giảm giá vé xe buýt

Ngày 11/3/2021, Bộ Giao thông vận tải ban hành Quyết định số 365/QĐ-BGTVT về Kế hoạch hành động thực hiện Quyết định 1190/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2021-2030.

Theo đó, kế hoạch đặt ra mục tiêu cụ thể như sau:

- Giai đoạn 2021-2025:

+ Đảm bảo tối thiểu 30% người khuyết tật có nhu cầu tham gia giao thông được sử dụng phương tiện vận tải khách công cộng (như xe buýt) đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật về giao thông tiếp cận, hoặc được hỗ trợ sử dụng phương tiện vận tải khách công cộng hay dịch vụ trợ giúp tương đương;

100% người khuyết tật tham gia giao thông được miễn, giảm giá vé theo quy định;

+ Riêng dịch vụ vận tải hành khách liên tỉnh bằng đường bộ trên tuyến cố định tối thiểu 40% người khuyết tật được giảm giá vé khi sử dụng.

- Giai đoạn 2026-2030:

+ Đảm bảo tối thiểu 50% người khuyết tật có nhu cầu tham gia giao thông được sử dụng phương tiện vận tải khách công cộng đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật về giao thông tiếp cận, hoặc được hỗ trợ sử dụng phương tiện vận tải khách công cộng hay dịch vụ trợ giúp tương đương;

100% người khuyết tật tham gia giao thông được miễn, giảm giá vé theo quy định;

+ Riêng dịch vụ vận tải hành khách liên tỉnh bằng đường bộ trên tuyến cố định tối thiểu 60% người khuyết tật được giảm giá vé khi sử dụng.

Quyết định số 365/QĐ-BGTVT có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

Điều kiện để trẻ em được nhận chăm sóc thay thế

Ngày 26/11/2020, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư số 14/2020/TT-BLĐTBXH hướng dẫn việc thực hiện quy định về chăm sóc thay thế cho trẻ em

Theo đó, trẻ em được nhận chăm sóc thay thế khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

Trẻ em thuộc các đối tượng theo quy định tại Điều 62 Luật Trẻ em bao gồm:

Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ, trẻ em bị bỏ rơi, trẻ em không nơi nương tựa;

Trẻ em không thể sống cùng cha, mẹ vì sự an toàn của trẻ em; cha, mẹ không có khả năng bảo vệ, nuôi dưỡng trẻ em hoặc chính là người xâm hại trẻ em;

Trẻ em bị ảnh hưởng của thiên tai, thảm họa, xung đột vũ trang cần được ưu tiên bảo vệ;

Trẻ em lánh nạn, tị nạn chưa xác định được cha mẹ.

Trẻ em thuộc danh sách được Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND cấp huyện phê duyệt theo quy định đối với trẻ em đang được nuôi dưỡng, chăm sóc tại cơ sở trợ giúp xã hội;

Trẻ em có đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 3 và 4 Điều 38 Nghị định số 56/2017/NĐ-CP của Chính phủ;

Được sự đồng ý bằng văn bản của cha, mẹ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 36 Luật trẻ em hoặc của người giám hộ đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 62 Luật trẻ em;

Trường hợp trẻ em từ đủ 07 tuổi trở lên phải lấy ý kiến của trẻ em.

Thông tư số 14/2020/TT-BLĐTBXH có hiệu lực từ ngày 12/01/2021.

Triển khai thí điểm sử dụng dịch vụ Mobile-Money

Ngày 09/3/2021, Thủ tướng ban hành Quyết định số 316/QĐ-TTg phê duyệt triển khai thí điểm dùng tài khoản viễn thông thanh toán cho các hàng hóa, dịch vụ có giá trị nhỏ (Mobile-Money).

Theo đó, đối tượng thực hiện thí điểm bao gồm:

Doanh nghiệp có Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán Ví điện tử và có Giấy phép thiết lập mạng viễn thông công cộng di động mặt đất sử dụng băng tần số vô tuyến điện.

Công ty con được Công ty mẹ có Giấy phép thiết lập mạng viễn thông công cộng di động mặt đất sử dụng băng tần số vô tuyến điện cho phép sử dụng hạ tầng, mạng lưới, dữ liệu viễn thông.

Đối tượng khách hàng phải đáp ứng những yêu cầu sau:

Cá nhân đăng ký và sử dụng dịch vụ Mobile-Money, được doanh nghiệp thực hiện thí điểm định danh, xác thực theo quy định.

Số thuê bao di động phải có thời gian kích hoạt và sử dụng liên tục trong ít nhất 3 tháng liên kế tính đến thời điểm đăng ký mở và sử dụng dịch vụ Mobile-Money.

- Mỗi khách hàng chỉ được mở 1 tài khoản Mobile-Money tại mỗi doanh nghiệp thực hiện thí điểm để sử dụng trong một số nghiệp vụ như:

+ Rút tiền từ tài khoản Mobile-Money về tài khoản thanh toán của khách hàng (chủ tài khoản Mobile-Money) tại ngân hàng hoặc rút về Ví điện tử của khách hàng tại chính Doanh nghiệp thí điểm;

+ Thanh toán việc mua hàng hóa, dịch vụ cho Đơn vị chấp nhận thanh toán bằng tài khoản Mobile-Money...

Quyết định số 316/QĐ-TTg có hiệu lực từ ngày 09/3/2021.

Thời điểm nộp phí, lệ phí hàng hóa, phương tiện vận tải quá cảnh

Ngày 18/02/2021, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 14/2021/TT-BTC quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí hải quan và lệ phí hàng hóa, phương tiện vận tải quá cảnh.

Theo đó, thời điểm người nộp phí, lệ phí thực hiện nộp phí, lệ phí hàng hóa, phương tiện vận tải quá cảnh là:

Khi đăng ký tờ khai đối với hàng hóa xuất nhập khẩu, quá cảnh; phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh.

Khi đề nghị cấp sổ ATA đối với hàng hóa tạm xuất tái nhập theo quy định về cơ chế tạm quản theo Công ước Istanbul.

Khi nộp đơn đề nghị cơ quan hải quan kiểm tra, giám sát, tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có dấu hiệu xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.

(Hiện hành Thông tư 274/2016/TT-BTC quy định việc nộp phí được thực hiện trước khi thông quan, khi đề nghị cơ quan hải quan áp dụng biện pháp kiểm tra, giám sát với hàng hóa XNK...).

Thông tư số 14/2021/TT-BTC có hiệu lực từ ngày 5/4/2021.

03 trường hợp bắt đầu được hưởng lương hưu từ 01/01/2021

Ngày 22/02/2021, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có Công văn số 362/LĐTBXH-BHXXH về việc thực hiện Nghị định số 135/2020/NĐ-CP Chính phủ.

Theo đó, đối tượng thuộc một trong những trường hợp dưới đây sẽ đủ điều kiện giải quyết hưởng lương hưu từ ngày 01/01/2021:

(1) Lao động nam sinh tháng 12 năm 1960 và lao động nữ sinh tháng 12 năm 1965 làm việc trong điều kiện lao động bình thường;

(2) Đối với lao động nam sinh tháng 12 năm 1965 và lao động nữ sinh tháng 12 năm 1970 thuộc một trong các trường hợp:

+ Có từ đủ 15 năm trở lên làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm thuộc danh mục do Bộ LĐ-TB&XH ban hành;

+ Có từ đủ 15 năm trở lên làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (bao gồm cả thời gian làm việc ở nơi có phụ cấp khu vực hệ số 0,7 trở lên trước ngày 01/01/2021);

+ Được xác định bị suy giảm khả năng lao động từ 61% đến dưới 81% trước ngày 01/01/2021;

(3) Lao động nam sinh tháng 12 năm 1970 và lao động nữ sinh tháng 12 năm 1975 được xác định bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên trước ngày 01/01/2021.

Thống nhất nội dung kê khai giá vé vận tải hành khách bằng ô tô

Ngày 24/02/2021, Bộ Giao thông vận tải ban hành Công văn số 1485/BGTVT-VT về thống nhất thực hiện niêm yết giá vé (giá cước); cách thức thực hiện việc kê khai giá cước vận tải hành khách bằng xe ô tô.

Theo đó, các nội dung kê khai giá vé (giá cước) được thống nhất thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư số 233/2016/TT-BTC như sau:

- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định: kê khai giá cước trên các tuyến vận tải hành khách cố định của doanh nghiệp, hợp tác xã (bao gồm giá cước 1 lượt và giá cước chặng (nếu có).

- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt theo tuyến cố định: kê khai giá cước (đồng/hành khách), kê khai giá cước vé tháng áp dụng cho các đối tượng (đồng/vé/tháng) trên các tuyến vận tải xe buýt của doanh nghiệp, hợp tác xã.

- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi: kê khai giá cước cự ly hoặc ki lô mét đầu (hoặc giá mở cửa), giá cước của từng cự ly hoặc ki lô mét tiếp theo trong đó kê khai giá cước theo thời gian thấp điểm, cao điểm (nếu có), giá cước theo chuyến; giá cước theo ngày; giá cước thời gian chờ đợi theo yêu cầu của hành khách.

- Giá cước kê khai là giá đã bao gồm các loại thuế, phí và lệ phí (nếu có).

Phạt tới 5 triệu nếu không gây ngất vật nuôi trước khi giết mổ

Ngày 01/3/2021, Chính phủ ban hành Nghị định số 14/2021/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính về chăn nuôi.

Theo đó, cơ sở giết mổ tập trung không có biện pháp gây ngất vật nuôi trước khi giết mổ sẽ bị xử phạt từ 03 triệu đồng đến 05 triệu đồng.

Mức phạt này cũng áp dụng đối với cơ sở giết mổ tập trung có một trong các hành vi:

Không có nơi lưu giữ vật nuôi bảo đảm vệ sinh trước khi giết mổ;

Đánh đập vật nuôi trước khi giết mổ.

Bên cạnh đó, phạt tiền từ 01 triệu đồng đến 03 triệu đồng đối với hành vi đánh đập, hành hạ tàn nhẫn đối với vật nuôi.

Lưu ý: Mức phạt tiền nêu trên là mức phạt áp dụng đối với cá nhân; Đối với tổ chức có hành vi vi phạm tương tự thì bị phạt tiền gấp đôi.

Nghị định số 14/2021/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 20/4/2021 và thay thế Nghị định số 64/2018/NĐ-CP ngày 07/5/2018.

Thủ tướng tổ chức đối thoại với thanh niên vào tháng 3 hằng năm

Ngày 01/3/2021, Chính phủ ban hành Nghị định số 13/2021/NĐ-CP quy định về đối thoại với thanh niên; cơ chế, chính sách và biện pháp thực hiện chính sách đối với thanh niên từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi. Theo đó:

Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch UBND các cấp tổ chức đối thoại với thanh niên vào tháng 3 hằng năm, nếu không thể tổ chức trong tháng 3 thì tổ chức vào thời gian phù hợp, nhưng phải đảm bảo ít nhất 01 lần/năm.

Nội dung đối thoại sẽ bao gồm:

- Việc thực hiện cơ chế, chính sách và các quy định của pháp luật đối với thanh niên;
- Hoạt động của các cơ quan, tổ chức liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của thanh niên;
- Những nội dung thuộc thẩm quyền hoặc trách nhiệm báo cáo với cơ quan có thẩm quyền giải quyết các kiến nghị của thanh niên;
- Vai trò, trách nhiệm của thanh niên trong học tập, lao động, rèn luyện, tham gia phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc;
- Những kiến nghị, đề xuất khác của thanh niên.

Nghị định số 13/2021/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 01/03/2021.

06 thay đổi Doanh nghiệp thẩm định giá phải thông báo Bộ Tài chính

Ngày 24/02/2021, Bộ Tài Chính ban hành Nghị định số 12/2021/NĐ-CP sửa đổi Nghị định số 89/2013/NĐ-CP hướng dẫn Luật Giá về thẩm định giá.

Theo đó, doanh nghiệp thẩm định giá phải thông báo cho Bộ Tài chính khi có các thay đổi sau:

- Các trường hợp thay đổi dẫn đến:
 - + Không bảo đảm đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận (GCN) đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá
 - + Cần được cấp lại GCN quy định tại Khoản 2 Điều 13 Nghị định 89/2013;
 - Danh sách thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề tại doanh nghiệp;
 - Doanh nghiệp chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi hình thức sở hữu;
 - Doanh nghiệp bị giải thể, phá sản, tạm ngừng kinh doanh; tự chấm dứt kinh doanh dịch vụ thẩm định giá; thay đổi cổ đông/thành viên góp vốn là thẩm định viên về giá hành nghề tại doanh nghiệp;
- (Hiện hành chỉ quy định trường hợp giải thể, phá sản, tạm ngừng, tự chấm dứt kinh doanh dịch vụ thẩm định giá).
- Doanh nghiệp bị thu hồi GCN đăng ký kinh doanh, GCN đăng ký doanh nghiệp.

- Có thẩm định viên về giá hành nghề tại doanh nghiệp (Quy định mới):
 - + Bị cấm hành nghề thẩm định giá;
 - + Bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
 - + Bị kết án một trong các tội về kinh tế, chức vụ liên quan đến tài chính, giá, thẩm định giá bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn, bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc;

- + Bị kết án về tội kinh tế từ nghiêm trọng trở lên; có hành vi vi phạm pháp luật về tài chính bị xử phạt vi phạm hành chính.

Nghị định số 12/2021/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 01/5/2021

Những nơi làm việc tổn hại sự phát triển của người dưới 18 tuổi

Ngày 12/11/2020, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư số 09/2020/TT-BLĐTBXH hướng dẫn Bộ luật Lao động 2019 về lao động chưa thành niên.

Theo đó, quy định nơi làm việc gây tổn hại đến sự phát triển thể lực, trí lực, nhân cách của người chưa thành niên (nơi cấm sử dụng NLD từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi làm việc theo Điểm đ khoản 2 Điều 147 Bộ luật lao động 2019) bao gồm:

- Tiếp xúc với các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại trong môi trường lao động nằm ngoài giới hạn cho phép theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh lao động, bao gồm:

- + Điện từ trường, rung, ồn, nhiệt độ, bụi silic, bụi không chứa silic, bụi bông, bụi aminăng, bụi than, bụi tale;

- + Các loại chất, tia phóng xạ;

- + Bức xạ bởi tia X, các chất độc hại và các tia có hại khác.

- Tiếp xúc với các vi sinh vật gây bệnh.

- Thời gian làm việc trên 04 giờ/ngày trong không gian làm việc gò bó, chật hẹp, công việc có khi phải quỳ gối, nằm, cúi khom.

- Trên giá cao hay dây treo cao hơn 2m so với mặt sàn làm việc, địa hình đồi núi dốc trên 30 độ.

- Các công việc ở trong hố sâu hơn 5m.

- Làm việc trong nhà tù hoặc trong bệnh viện tâm thần.

Thông tư số 09/2020/TT-BLĐTBXH có hiệu lực từ ngày 15/3/2021.

Nội dung bồi dưỡng nghiệp vụ công chứng hàng năm

Ngày 03/02/2021, Bộ Tư pháp ban hành Thông tư số 01/2021/TT-BTP quy định một số điều và biện pháp thi hành Luật công chứng.

Theo đó, hàng năm tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ với nội dung bồi dưỡng gồm một hoặc một số vấn đề sau đây:

- Quy tắc đạo đức hành nghề công chứng;

TÌM HIỂU MỘT SỐ QUY ĐỊNH CỦA LUẬT DOANH NGHIỆP

Luật Doanh nghiệp được Quốc hội khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

Luật Doanh nghiệp quy định về việc thành lập, tổ chức quản lý, tổ chức lại, giải thể và hoạt động có liên quan của doanh nghiệp, bao gồm công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh và doanh nghiệp tư nhân; quy định về nhóm công ty.

1. Quyền của doanh nghiệp

- Tự do kinh doanh ngành, nghề mà luật không cấm.
- Tự chủ kinh doanh và lựa chọn hình thức tổ chức kinh doanh; chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh; chủ động điều chỉnh quy mô và ngành, nghề kinh doanh.
- Lựa chọn hình thức, phương thức huy động, phân bổ và sử dụng vốn.
- Tự do tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng.
- Kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu.
- Tuyển dụng, thuê và sử dụng lao động theo quy định của pháp luật về lao động.
- Chủ động ứng dụng khoa học và công nghệ để nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh; được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.
- Chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của doanh nghiệp.
- Từ chối yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân về cung cấp nguồn lực không theo quy định của pháp luật.
- Khiếu nại, tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.
- Quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ của doanh nghiệp

- Đáp ứng đủ điều kiện đầu tư kinh doanh khi kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật và bảo đảm duy trì đủ điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh.
- Thực hiện đầy đủ, kịp thời nghĩa vụ về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, công khai thông tin về thành lập và

hoạt động của doanh nghiệp, báo cáo và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

- Chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và các báo cáo; trường hợp phát hiện thông tin đã kê khai hoặc báo cáo thiếu chính xác, chưa đầy đủ thì phải kịp thời sửa đổi, bổ sung các thông tin đó.

- Tổ chức công tác kế toán, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

- Bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động theo quy định của pháp luật; không phân biệt đối xử, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người lao động trong doanh nghiệp; không ngược đãi lao động, cưỡng bức lao động hoặc sử dụng lao động chưa thành niên trái pháp luật; hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động tham gia đào tạo nâng cao trình độ, kỹ năng nghề; thực hiện các chính sách, chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế và bảo hiểm khác cho người lao động theo quy định của pháp luật.

- Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích

- Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp quy định tại Điều 7, Điều 8 và quy định khác có liên quan của Luật Doanh nghiệp

- Được hạch toán và bù đắp chi phí theo giá do pháp luật về đấu thầu quy định hoặc thu phí sử dụng dịch vụ theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Được bảo đảm thời hạn cung ứng sản phẩm, dịch vụ thích hợp để thu hồi vốn đầu tư và có lãi hợp lý.

- Cung ứng sản phẩm, dịch vụ đủ số lượng, đúng chất lượng và thời hạn đã cam kết theo giá hoặc phí do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

- Bảo đảm các điều kiện công bằng và thuận lợi cho khách hàng.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật và khách hàng về số lượng, chất lượng, điều kiện cung ứng và giá, phí sản phẩm, dịch vụ cung ứng.

4. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

- Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp có trách nhiệm sau đây:

- + Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp;

- + Trung thành với lợi ích của doanh nghiệp; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của doanh nghiệp để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

- + Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho doanh nghiệp về doanh nghiệp

mà mình, người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

- Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chịu trách nhiệm cá nhân đối với thiệt hại cho doanh nghiệp do vi phạm trách nhiệm quy định tại khoản 1 Điều này.

5. Người đại diện theo ủy quyền của chủ sở hữu, thành viên, cổ đông công ty là tổ chức

- Người đại diện theo ủy quyền của chủ sở hữu, thành viên, cổ đông công ty là tổ chức phải là cá nhân được ủy quyền bằng văn bản nhân danh chủ sở hữu, thành viên, cổ đông đó thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

- Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì việc cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện theo quy định sau đây:

+ Tổ chức là thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có sở hữu ít nhất 35% vốn điều lệ có thể ủy quyền tối đa 03 người đại diện theo ủy quyền;

+ Tổ chức là cổ đông công ty cổ phần có sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 03 người đại diện theo ủy quyền.

- Trường hợp chủ sở hữu, thành viên, cổ đông công ty là tổ chức cử nhiều người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể phần vốn góp, số cổ phần cho mỗi người đại diện theo ủy quyền. Trường hợp chủ sở hữu, thành viên, cổ đông công ty không xác định phần vốn góp, số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì phần vốn góp, số cổ phần sẽ được chia đều cho tất cả người đại diện theo ủy quyền.

- Văn bản cử người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo cho công ty và chỉ có hiệu lực đối với công ty kể từ ngày công ty nhận được văn bản. Văn bản cử người đại diện theo ủy quyền phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

+ Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của chủ sở hữu, thành viên, cổ đông;

+ Số lượng người đại diện theo ủy quyền và tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp tương ứng của mỗi người đại diện theo ủy quyền;

+ Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân từng người đại diện theo ủy quyền;

+ Thời hạn ủy quyền tương ứng của từng người đại diện theo ủy quyền; trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được đại diện;

+ Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu, thành viên, cổ đông và của người đại diện theo ủy quyền.

- Người đại diện theo ủy quyền phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

+ Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Luật Doanh nghiệp;

+ Thành viên, cổ đông là doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b

khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được cử người có quan hệ gia đình của người quản lý công ty và của người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty làm người đại diện tại công ty khác;

+ Tiêu chuẩn và điều kiện khác do Điều lệ công ty quy định.

6. Trách nhiệm của người đại diện theo ủy quyền của chủ sở hữu, thành viên, cổ đông công ty là tổ chức

- Người đại diện theo ủy quyền nhân danh chủ sở hữu, thành viên, cổ đông công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu, thành viên, cổ đông tại Hội đồng thành viên, Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Mọi hạn chế của chủ sở hữu, thành viên, cổ đông đối với người đại diện theo ủy quyền trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu, thành viên, cổ đông công ty tương ứng tại Hội đồng thành viên, Đại hội đồng cổ đông đều không có hiệu lực đối với bên thứ ba.

- Người đại diện theo ủy quyền có trách nhiệm tham dự đầy đủ cuộc họp Hội đồng thành viên, Đại hội đồng cổ đông; thực hiện quyền và nghĩa vụ được ủy quyền một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất, bảo vệ lợi ích hợp pháp của chủ sở hữu, thành viên, cổ đông cử đại diện.

- Người đại diện theo ủy quyền chịu trách nhiệm trước chủ sở hữu, thành viên, cổ đông cử đại diện do vi phạm trách nhiệm quy định tại Điều này. Chủ sở hữu, thành viên, cổ đông cử đại diện chịu trách nhiệm trước bên thứ ba đối với trách nhiệm phát sinh liên quan đến quyền và nghĩa vụ được thực hiện thông qua người đại diện theo ủy quyền.

7. Các hành vi bị nghiêm cấm

- Cấp hoặc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, yêu cầu người thành lập doanh nghiệp nộp thêm giấy tờ khác trái với quy định của Luật này; gây chậm trễ, phiền hà, cản trở, sách nhiễu người thành lập doanh nghiệp và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

- Ngăn cản chủ sở hữu, thành viên, cổ đông của doanh nghiệp thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

- Hoạt động kinh doanh dưới hình thức doanh nghiệp mà không đăng ký hoặc tiếp tục kinh doanh khi đã bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp đang bị tạm dừng hoạt động kinh doanh.

- kê khai không trung thực, không chính xác nội dung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và nội dung hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.

- kê khai không vốn điều lệ, không góp đủ số vốn điều lệ như đã đăng ký; cố ý định giá tài sản góp vốn không đúng giá trị.

- Kinh doanh các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh; kinh doanh ngành, nghề chưa được tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài; kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện khi chưa đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật hoặc không bảo đảm duy trì đủ điều kiện đầu tư kinh doanh trong quá trình hoạt động.

- Lừa đảo, rửa tiền, tài trợ khủng bố.

THÔNG TIN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT MỚI

1. Nghị định

- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển (có hiệu lực từ ngày 30/3/2021)

- Nghị định số 12/2021/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giá về thẩm định giá (có hiệu lực từ ngày 01/5/2021)

- Nghị định số 13/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 03 năm 2021 của Chính phủ quy định về đối thoại với thanh niên; cơ chế, chính sách và biện pháp thực hiện chính sách đối với thanh niên từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi (có hiệu lực từ ngày 01/3/2021)

- Nghị định số 14/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 03 năm 2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về chăn nuôi (có hiệu lực từ ngày 20/4/2021)

- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 03 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết về một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng (có hiệu lực từ ngày 03/3/2021)

- Nghị định số 16/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 03 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết mức thu, trình tự, thủ tục thu, nộp, việc quản lý, sử dụng chi phí hòa giải, đối thoại tại Tòa án và thù lao hòa giải viên tại Tòa án (có hiệu lực từ ngày 03/3/2021)

- Nghị định số 17/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 03 năm 2021 của Chính phủ quy định về chính sách đối với thanh niên xung phong, thanh niên tình nguyện (có hiệu lực từ ngày 09/3/2021)

- Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 03 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu (có hiệu lực từ ngày 25/4/2021)

- Nghị định số 19/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 03 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ tổ chức và hoạt

động của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia ban hành kèm theo Nghị định số 23/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ (có hiệu lực từ ngày 01/5/2021)

- Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 03 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội (có hiệu lực từ ngày 01/7/2021)

- Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19 tháng 03 năm 2021 của Chính phủ quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ (có hiệu lực từ ngày 15/5/2021)

- Nghị định số 22/2021/NĐ-CP ngày 19 tháng 03 năm 2021 của Chính phủ về Khu kinh tế - quốc phòng (có hiệu lực từ ngày 05/5/2021)

- Nghị định số 23/2021/NĐ-CP ngày 19 tháng 03 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết khoản 3 Điều 37 và Điều 39 của Luật Việc làm về trung tâm dịch vụ việc làm, doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm (có hiệu lực từ ngày 01/6/2021)

- Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 03 năm 2021 của Chính phủ quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập (có hiệu lực từ ngày 15/5/2021)

- Nghị định số 25/2021/NĐ-CP ngày 24 tháng 03 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 41/2014/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động thanh tra Công an nhân dân (có hiệu lực từ ngày 20/5/2021)

- Nghị định số 26/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 03 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết số 132/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội thí điểm một số chính sách để tháo gỡ vướng mắc, tồn đọng trong quản lý, sử dụng đất quốc phòng, an ninh kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế (có hiệu lực từ ngày 25/3/2021)

- Nghị định số 27/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 03 năm 2021 của Chính phủ về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp (có hiệu lực từ ngày 15/5/2021)

2. Thông tư

- Thông tư số 14/2021/TT-BTC ngày 18 tháng 02 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí hải quan và lệ phí hàng hóa, phương tiện vận tải quá cảnh (có hiệu lực từ ngày 05/4/2021)

- Thông tư số 17/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 02 năm 2021 của Bộ

Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 14/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phân loại hàng hóa, phân tích để phân loại hàng hóa, phân tích để kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu (có hiệu lực từ ngày 12/4/2021)

- Thông tư số 04/2021/TT-BGTVT ngày 26 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giao thông vận tải quy định về điều kiện cơ sở đào tạo, nghiên cứu được tổ chức thực hiện các chương trình bồi dưỡng viên chức ngành giao thông vận tải (có hiệu lực từ ngày 15/4/2021)

- Thông tư số 03/2021/TT-BYT ngày 04 tháng 3 năm 2021 của Bộ Y tế bãi bỏ một phần quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 48/2018/TT-BYT ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành danh mục dược liệu; các chất chiết xuất từ dược liệu, tinh dầu làm thuốc; thuốc cổ truyền, thuốc dược liệu xuất khẩu, nhập khẩu được xác định mã số hàng hóa theo danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam (có hiệu lực từ ngày 04/3/2021)

- Thông tư số 18/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp phí thẩm định cấp giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự, giấy chứng nhận hợp chuẩn sản phẩm mật mã dân sự, giấy chứng nhận hợp quy sản phẩm mật mã dân sự (có hiệu lực từ ngày 11/3/2021)

- Thông tư số 01/2021/TT-TTCT ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Thanh tra Chính phủ quy định quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức trong ngành thanh tra và cán bộ, công chức làm công tác tiếp công dân (có hiệu lực từ ngày 01/5/2021)

- Thông tư số 07/2021/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 3 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Phổ thông năng khiếu thể dục thể thao (có hiệu lực từ ngày 27/4/2021)

- Thông tư số 05/2021/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 3 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thi tốt nghiệp trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 15/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (có hiệu lực từ ngày 27/4/2021)

- Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp (có hiệu lực từ ngày 01/5/2021)

- Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế (có hiệu lực từ ngày 03/5/2021)

3. Quyết định

- Quyết định số 06/2021/QĐ-TTg ngày 18 tháng 02 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do Thủ tướng Chính phủ ban hành về xác định khu vực cấm, địa điểm cấm và danh mục bí mật Nhà nước độ tuyệt mật, tối mật (có hiệu lực từ ngày 10/4/2021)

- Quyết định số 08/2021/QĐ-TTg ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28 tháng 7 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ (có hiệu lực từ ngày 19/5/2021)

- Quyết định số 10/2021/QĐ-TTg ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí xác định doanh nghiệp công nghệ cao (có hiệu lực từ ngày 30/4/2021)

- Quyết định số 11/2021/QĐ-TTg ngày 17 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc kéo dài thời gian thực hiện cơ chế tài chính đặc thù của một số cơ quan, đơn vị hành chính nhà nước (có hiệu lực từ ngày 17/3/2021)

4. Văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ ban hành

- Quyết định số 03/2021/QĐ-UBND ngày 25 tháng 02 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ phân cấp phê duyệt hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn thành phố Cần Thơ (có hiệu lực từ ngày 10/3/2021)

- Quyết định số 04/2021/QĐ-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ quy định chế độ báo cáo định kỳ của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ (có hiệu lực từ ngày 25/3/2021)

- Quyết định số 05/2021/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ bãi bỏ Quyết định số 37/2016/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ quy định nội dung chi và mức hỗ trợ hoạt động khuyến nông (có hiệu lực từ ngày 01/4/2021)

**MỘT SỐ QUY ĐỊNH CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 117/2020/NĐ-CP
CỦA CHÍNH PHỦ VỀ XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH
TRONG LĨNH VỰC Y TẾ**

1. Hành vi không tổ chức việc thông tin, giáo dục, truyền thông về phòng, chống dịch bệnh Covid-19 cho người lao động theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền (Quy định tại Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 117/2020/NĐ-CP ngày 28/9/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế).

- Mức phạt: Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với cá nhân (từ 2.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với tổ chức).

2. Hành vi đưa tin sai sự thật về tình hình dịch bệnh Covid-19:

a. Hành vi đưa tin không chính xác về tình hình dịch bệnh Covid-19 sau khi công bố dịch hoặc công bố hết dịch theo nội dung do cơ quan nhà nước có thẩm quyền về y tế cung cấp (Quy định tại điểm a khoản 3 và điểm a khoản 4 điều 5 Nghị định số 117/2020/NĐ-CP ngày 28/9/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế).

- Mức phạt: Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với cá nhân (từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với tổ chức).

- Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc cải chính thông tin sai sự thật trên phương tiện thông tin đại chúng trên địa bàn đã đưa tin trước đó liên tục trong 03 ngày theo quy định của pháp luật.

b. Hành vi cung cấp, chia sẻ thông tin sai sự thật; xuyên tạc, vu khống xúc phạm uy tín của cơ quan, tổ chức và danh dự, nhân phẩm của cá nhân liên quan đến phòng, chống dịch Covid-19 (Quy định tại điểm a khoản 1 và khoản 3 điều 101 Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử).

- Mức phạt: Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với cá nhân (từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức)

- Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc gỡ bỏ thông tin sai sự thật hoặc gây nhầm lẫn hoặc thông tin vi phạm pháp luật.

3. Hành vi vứt khẩu trang, các chất, vật dụng đã sử dụng không đúng nơi quy định có khả năng làm lây lan dịch bệnh Covid-19 (Quy định tại khoản 1 điều 6 Nghị định số 117/2020/NĐ-CP ngày 28/9/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành

chính trong lĩnh vực y tế).

- Mức phạt: Cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng.

4. Hành vi không thực hiện xét nghiệm theo yêu cầu của cơ quan y tế có thẩm quyền trong quá trình thực hiện giám sát dịch bệnh Covid-19 (Quy định tại điểm a khoản 2 điều 7 Nghị định số 117/2020/NĐ-CP ngày 28/9/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế).

- Mức phạt: Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng.

5. Hành vi che giấu, không khai báo hoặc khai báo không kịp thời hiện trạng của bản thân hoặc của người khác mắc dịch bệnh Covid-19 (Quy định tại điểm a khoản 3 điều 7 Nghị định số 117/2020/NĐ-CP ngày 28/9/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế).

- Mức phạt: Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

6. Hành vi từ chối hoặc trốn tránh việc áp dụng quyết định cách ly y tế, cưỡng chế cách ly y tế của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với người mắc bệnh Covid-19 (Quy định tại điểm b khoản 2 và khoản 3 điều 11 Nghị định số 117/2020/NĐ-CP ngày 28/9/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế).

- Mức phạt: Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

- Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc thực hiện việc cách ly y tế, cưỡng chế cách ly y tế.

7. Hành vi không thực hiện đeo khẩu trang nơi công cộng hoặc ra đường thuộc diện không cần thiết (Quy định tại điểm a khoản 1 điều 12 Nghị định số 117/2020/NĐ-CP ngày 28/9/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế).

- Mức phạt: Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng.

8. Hành vi không thực hiện quyết định áp dụng biện pháp tạm đình chỉ hoạt động của cơ sở dịch vụ ăn uống công cộng có nguy cơ làm lây truyền dịch bệnh Covid-19 (Quy định tại điểm a khoản 3 điều 12 Nghị định số 117/2020/NĐ-CP ngày 28/9/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế).

- Mức phạt: Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với cá nhân (từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với tổ chức).

9. Hành vi không thực hiện quyết định áp dụng biện pháp hạn chế tập trung đông người hoặc tạm đình chỉ hoạt động

kinh doanh, dịch vụ tại nơi công cộng để phòng, chống dịch bệnh Covid-19 (Quy định tại điểm c khoản 3 điều 12 Nghị định số 117/2020/NĐ-CP ngày 28/9/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế).

- Mức phạt: Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với cá nhân (từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với tổ chức).

10. Hành vi không thực hiện quyết định cấm tập trung đông người tại vùng đã được ban bố tình trạng khẩn cấp dịch bệnh Covid-19 (Quy định tại điểm b khoản 5 điều 12 Nghị định số 117/2020/NĐ-CP ngày 28/9/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế).

- Mức phạt: Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với cá nhân (từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với tổ chức)

11. Hành vi không niêm yết giá hàng hóa, dịch vụ liên quan đến phòng, chống dịch bệnh Covid-19 tại địa điểm phải niêm yết giá theo quy định của pháp luật hoặc niêm yết giá không đúng quy định, không rõ ràng gây nhầm lẫn cho khách hàng (Quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 điều 12 Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 49/2016/NĐ-CP)).

- Mức phạt: Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng; trường hợp vi phạm nhiều lần hoặc tái phạm bị phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng. (đối với tổ chức, phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng; trường hợp vi phạm nhiều lần hoặc tái phạm bị phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng).

12. Hành vi bán cao hơn giá niêm yết hàng hóa, dịch vụ liên quan đến phòng, chống dịch bệnh Covid-19 do tổ chức, cá nhân định giá không thuộc Danh mục bình ổn giá, hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hạn chế kinh doanh hoặc kinh doanh có điều kiện (Quy định tại khoản 3 và 7 điều 12 Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí).

- Mức phạt: Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với cá nhân (từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức)

- Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc trả lại cho khách hàng số tiền đã thu cao hơn giá niêm yết, trường hợp không xác định được khách hàng để trả lại thì nộp vào ngân sách nhà nước.

13. Hành vi giúp đỡ, chứa chấp, che giấu, tạo điều kiện cho người nước ngoài vào Việt Nam, ở lại Việt Nam hoặc qua lại

biên giới quốc gia trái phép (Quy định tại điểm a khoản 5 và khoản 9 điều 17 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình).

- Mức phạt: Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với cá nhân (từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với tổ chức). Người nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính, thì tùy theo mức độ vi phạm có thể còn bị áp dụng hình thức xử phạt trục xuất khỏi nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

14. Hành vi cản trở, chống lại người thi hành công vụ phòng, chống dịch bệnh Covid-19

a. Hành vi cản trở hoặc không chấp hành; xúi giục, lôi kéo hoặc kích động người khác không chấp hành yêu cầu thanh tra, kiểm tra, kiểm soát hoặc có lời nói, hành động đe dọa, lăng mạ, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người thi hành công vụ phòng, chống dịch bệnh Covid-19 (Quy định tại Khoản 2 Điều 20 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình).

- Mức phạt: Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với cá nhân (từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với tổ chức).

b. Hành vi dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực để chống người thi hành công vụ; gây thiệt hại về tài sản, phương tiện của cơ quan nhà nước, của người thi hành công vụ phòng, chống dịch bệnh Covid-19 mà chưa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự (Quy định tại điểm a, b khoản 3 điều 20 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình).

- Mức phạt: Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với cá nhân (từ 6.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức).

NHỮNG ĐIỀU CẦN BIẾT KHI TIÊM CHỦNG VẮC XIN PHÒNG COVID-19

(Dành cho người đi tiêm chủng)

1



Bạn hãy mang theo chứng minh nhân dân/căn cước công dân hoặc thẻ bảo hiểm y tế; sổ khám bệnh, giấy ra viện, đơn thuốc, phiếu tiêm các vắc xin khác... sử dụng trong thời gian gần đây (nếu có).

2



Tải ứng dụng Sổ sức khỏe điện tử (SSKĐT) trên điện thoại thông minh Android và IOS; khai báo thông tin cần thiết.

3



Đeo khẩu trang, thực hiện **Thông điệp 5K** khi đi tiêm chủng. Ăn uống đầy đủ trước khi đi tiêm chủng.

TRƯỚC KHI TIÊM CHỦNG

5



Chủ động tìm hiểu và hỏi cán bộ y tế:

- Loại vắc xin phòng COVID-19 bạn được tiêm và lịch tiêm mũi tiếp theo.
- Các dấu hiệu có thể xuất hiện sau khi tiêm chủng và cách xử lý.
- Cơ sở y tế và số điện thoại liên hệ trong trường hợp khẩn cấp.

4



Chủ động thông báo cho cán bộ y tế các thông tin sức khỏe cá nhân:

- Tình trạng sức khỏe hiện tại, như: đang bị sốt, mắc bệnh cấp tính...
- Các bệnh mạn tính mắc phải hoặc đang điều trị.
- Các thuốc, liệu trình điều trị đang hoặc đã sử dụng gần đây.
- Tiền sử dị ứng hoặc phản vệ với bất kỳ tác nhân nào.
- Nếu là lần tiêm thứ 2, phải thông báo cho cán bộ y tế các phản ứng sau tiêm vắc xin phòng COVID-19 lần trước.
- Tình trạng nhiễm vi rút SARS-CoV-2 hoặc mắc COVID-19 (nếu có).
- Các vắc xin tiêm hoặc uống trong vòng 14 ngày qua.
- Có đang mang thai hoặc nuôi con bú (nếu bạn là nữ trong độ tuổi sinh đẻ)?

SAU KHI TIÊM CHỦNG



THEO DÕI SỨC KHỎE BẢN THÂN SAU KHI TIÊM CHỦNG:

- Ở lại điểm tiêm chủng **30 phút** sau khi tiêm để được cán bộ y tế theo dõi, phát hiện sớm các phản ứng sau tiêm chủng.
- Khi về nhà, nơi làm việc: chủ động theo dõi sức khỏe bản thân **trong vòng 3 tuần** sau tiêm.

BẠN CÓ THỂ GẶP MỘT SỐ DẤU HIỆU THÔNG THƯỜNG SAU TIÊM VẮC XIN PHÒNG COVID-19 NHƯ:

Sốt, mệt mỏi, đau đầu, ớn lạnh, đau cơ, đau khớp, tăng cảm giác đau, ngứa, sưng, đỏ, đau tại chỗ tiêm, buồn nôn... Đây là các **phản ứng thông thường** sau khi tiêm vắc xin phòng COVID-19, cho biết cơ thể bạn đang tạo ra miễn dịch phòng bệnh COVID-19.

CÁC PHẢN ỨNG NGHIÊM TRỌNG SAU TIÊM VẮC XIN PHÒNG COVID-19 LÀ HIỂM GẤP:

- **Dấu hiệu nghiêm trọng:** xuất hiện trong vòng vài giờ hoặc ngày đầu sau khi tiêm vắc xin phòng COVID-19
 - o Ở miệng: tê quanh môi và/hoặc lưỡi...
 - o Ở da: phát ban, mẩn đỏ, tím tái hoặc đỏ da...
 - o Ở họng: ngứa, căng cứng, tắc nghẽn, khàn đặc...
 - o Đường tiêu hóa: nôn, tiêu chảy, đau quặn bụng...
 - o Đường hô hấp: thở dốc, thở khó khè, thở rít, khó thở, cảm giác nghẹt thở, ho,...
 - o Toàn thân: mạch yếu, chóng mặt, choáng/xảy xэм, cảm giác muốn ngã, chân tay co quắp...

- **Dấu hiệu thông thường diễn biến nặng lên:** sốt cao $\geq 39^{\circ}\text{C}$, sưng/đỏ lan rộng tại chỗ tiêm, đau cơ dữ dội, tăng huyết áp hoặc tụt huyết áp hoặc kẹt huyết áp...

Sau khi tiêm vắc xin phòng COVID-19, nếu bạn gặp phải các dấu hiệu nghiêm trọng hoặc bất thường nêu trên, hãy đến ngay cơ sở y tế để được khám, chẩn đoán và xử trí kịp thời.



Đường dây nóng Bộ Y tế:
19009095

Tiêm vắc xin phòng COVID-19 là quyền lợi đối với bản thân,
là trách nhiệm đối với cộng đồng



Thông tin

PHỔ BIẾN PHÁP LUẬT

23.5.2021



QUỐC HỘI
KHÓA
XV
2021-2026

SÁNG SUỐT LỰA CHỌN NHỮNG NGƯỜI TIÊU BIỂU VỀ ĐỨC, TÀI
XỨNG ĐÁNG ĐẠI DIỆN CHO Ý CHÍ, NGUYỆN VỌNG VÀ QUYỀN LÀM CHỦ CỦA NHÂN DÂN
BẦU VÀO QUỐC HỘI KHÓA XV VÀ HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2021 - 2026